**Biểu A2.1-TMĐT**

25/2023/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

# 1. Tên đề tài

**2. Loại đề tài:**

**- Thuộc dự án KH&CN**:

**- Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:

**3. Chương trình thành phần**

🞏 Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao

🞏 Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao

🞏Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

**4. Thời gian thưc hiện:**……….tháng

(Từ tháng /20… đến tháng /20…)

**5.** **Tổng kinh phí thực hiện:** ........................... **triệu đồng, trong đó:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn** | **Kinh phí***(triệu đồng)* |
| - Từ Ngân sách nhà nước |  |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |  |

**6.** **Phương thức khoán chi:**

|  |  |
| --- | --- |
| 🞏 Khoán đến sản phẩm cuối cùng | 🞏 Khoán từng phần, trong đó: |
|  | - Kinh phí khoán: …………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: …….….triệu đồng |

**7. Loại hình nghiên cứu trong đề tài:**

🞏 Nghiên cứu thích nghi, làm chủ, phát triển công nghệ nhập khẩu

🞏 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao

🞏 Nghiên cứu công nghệ được chuyển giao

🞏 Nghiên cứu giải mã công nghệ, bí quyết công nghệ

🞏 Nghiên cứu tạo ra công nghệ cao

🞏 Hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ cao

🞏 Khác: …

**8. Lĩnh vực:**

🞏 Công nghệ thông tin

🞏 Vật liệu mới

🞏 Tự động hóa

🞏 Công nghệ sinh học

🞏 Tập hợp hoặc tích hợp các công nghệ nêu trên (nêu rõ)

**9. Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:...........................................Mã số định danh cá nhân:..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam 🞏 Nữ: 🞏

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....................................................................

Chức danh nghề nghiệp3: ......................................Chức vụ.........................................

Điện thoại: …………………………E-mail:..............................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................................

Địa chỉ tổ chức:.........................................................................................................

**10. Thư ký khoa học của đề tài**

Họ và tên:.............................................Mã định danh cá nhân:..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam 🞏 / Nữ: 🞏

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....................................................................

Chức danh nghề nghiệp: ......................................Chức vụ.........................................

Điện thoại: …………………………E-mail:..............................................................

Tên tổ chức đang công tác:......................................................................................

Địa chỉ tổ chức:.........................................................................................................

**11. Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .............................................................................................

Mã số tổ chức:………………………………………………………………………..

Điện thoại: ..................................................................................................................

Website: ......................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ......................................................................................

Số tài khoản: ........................................tại kho bạc Nhà nước......................................

Ngân hàng: ............................................................................................................

**12. Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)*

**1. Tổ chức 1** : .......................................................................................................

Mã số tổ chức :………………………………………………………………………

Điện thoại: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....................................................................................

Tên cơ quan chủ quản ................................................................................................

**2. Tổ chức 2** : .......................................................................................................

Mã số tổ chức :…………………………………………………………………….

Điện thoại: .................................... ..............................................................................

Địa chỉ: ........................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ....................................................................................

Tên cơ quan chủ quản ..............................................................................................

**13. Thành viên thực hiện đề tài**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện chính đối với từng nội dung nghiên cứu của đề tài thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Chức danh thực hiện đề tài4** | **Tổ chức công tác** | **Thời gian làm việc** (Số tháng quy đổi3) |
| 1 |  | Chủ nhiệm đề tài |  |  |
| 2 |  | Thư ký khoa học |  |  |
| 3 |  | Thành viên chính |  |  |
| … |  | Thành viên chính |  |  |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**14. Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**15. Tình trạng của đề tài**

🞏 Mới 🞏 Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

🞏 Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**16. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài**

**16.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài**

**Ngoài nước**(*Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Trong nước** *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các thành viên tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**16.2 Luận giải về những nội dung cần nghiên cứu của đề tài**

*(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải về việc cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài, luận giải về những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu. Nêu tổng quan về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng để thực hiện đề tài.*)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**17. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan**

*(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu tài liệu đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*

**18. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện**

*(Liệt kê và mô tả chi tiết:*

*- Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu của đề tài. Những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu nêu trên;*

*- Chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có;*

*- Nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)*

**Nội dung 1 :** ........................................................................

Công việc 1.1: ........................................................................

Công việc 1.2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 2:** .........................................................................

Công việc 2.1: ........................................................................

Công việc 2.2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 3 :** ........................................................................

Công việc 3.1: ........................................................................

Công việc 3.2: ........................................................................

..............................................................................................

**19. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có*).

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**20. Phương án hợp tác quốc tế** (nếu có)

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**21. Phương án thuê chuyên gia** (nếu có)

**21.1. Thuê chuyên gia trong nước**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

**21.2. Thuê chuyên gia trong nước**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |

**22. Tiến độ thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian**  (bắt đầu,  kết thúc) | **Cá nhân,  tổ chức  chủ trì\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| … | ***Nội dung n*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20*

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

**23. Sản phẩm KH&CN của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt**

*(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*

**Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố**  (Tạp chí, Nhà xuất bản) | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**Dạng III:** Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** |
| **Cần đạt** | **Mẫu tương tự**  (Theo các tiêu chuẩn mới nhất) | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**Dạng IV:** Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**23.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cấp đào tạo** | **Số lượng** | **Chuyên ngành đào tạo** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**23.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**23.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**24. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**24.1. Khả năng về thị trường***(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**24.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**24.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**24.4. Phương thức chuyển giao**

*(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra…)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**25. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**26. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

**26.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

*(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**26.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**26.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

*(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**27. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** *(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CPcủa Chính phủ ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)*

**27.1. Phương án trang bị tài sản** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

c. Thuê thiết bị máy móc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

**27.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** *(tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

# V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

# (Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **28** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | | **Trong đó** | | | | |
| **Chi thu lao thực hiện đề tài + chuyên gia** (nếu có) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
| *1* | *2* | *3* | | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  | **Tổng kinh phí** |  | |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  | |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách nhà nước:  a. Kinh phí khoán chi:  b. Kinh phí không khoán chi: |  | |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn ngoài ngân sách nhà nước |  | |  |  |  |  |  |
| **Chủ nhiệm đề tài**  *(Họ tên và chữ ký)* | | | **Tổ chức chủ trì đề tài** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | | | |
|  | | | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | | | |
|  | | | **Đơn vị quản lý kinh phí5***(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | | | |

**Phụ lục**

# DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung các khoản chi8** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn9** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4=(6+8+10)* | *5=(7+9+11)* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | **Chi thù lao thực hiện đề tài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Thuê chuyên gia**  **- Trong nước**  **- Nước ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

# Khoản 1a. Thù lao tham gia thực hiện đề tài

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Số tháng quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên chính |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| 6 | Lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

# DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

# *Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung công việc** | **Hệ số lao động khoa học** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)** | **Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh** | **Tổng thù lao thực hiện đề tài** | **Nguồn vốn10** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=3x5x6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **I** | **Xây dựng thuyết minh đề tài** | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của chủ nhiệm đề tài11:** (TLCN = 1,0 x DMCN x 20% x T) | **1** | **1** | **40** | **7,2** *(=20%\*36)* | **288,00** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của thư ký khoa học:** (TLTK = 0,3 x DMCN x 20% x T) | **0,3** | **1** | **40** | **7,2** *(=20% x 36)* | **84,00** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Nội dung 1:...** Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Công việc 1.1: ...*** *Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.* |  |  |  |  | ***65,45*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính | 0,8 | 1 | 40 | 0,55 (= 11/22) | 17,45 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên | 0,4 | 2 | 40 | 2 | 32,00 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2 | 4 | 40 | 2 | 16,00 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 1.2…*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2: ...** Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.1: ...*** *Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi* |  |  |  |  | ***61,52*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính | 0,8 | 1 | 40 | 1 | 32,00 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên | 0,4 | 1 | 40 | 0,36 (= 8/22) | 5,82 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2 | 3 | 40 | 1,5 | 12,00 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi) |  | 5 |  | 2,5 | 11,70 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Xây dựng báo cáo tổng kết** | Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# Khoản 1b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh đề tài)*

# *Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức thù lao tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  |  |  | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn12** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Vật tư, nguyên vật liệu dung chung*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tên vật tư, nguyên vật liệu và chỉ tiêu/thông số kỹ thuật chính. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1.1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Than |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Điện | kW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 1.2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung 2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II.1*** | ***Công việc 2.1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### *1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:*

*- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do … ban hành tại các văn bản … và báo giá kèm theo.*

*- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại mục g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.*

*2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.*  **Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **I** | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài13** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị14** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Thiết bị công nghệ mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Bảo dưỡng, sữa chữa** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung15** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác** *(Định mức chi**theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC)*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu, công tác trong nước*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Hợp tác quốc tế*** (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Kinh phí quản lý*** *(bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 300 triệu đồng)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp Quốc gia)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3 Bao gồm: chức danh khoa học và chức danh công nghệ (ví dụ như: nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp hoặc tương đương)

4 Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chỉ liệt kê chủ nhiệm đề tài, thư ký khoa học và các thành viên chính.

5 *Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

8 Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,…

9 Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi đề tài đã được phê duyệt

10 Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt.

11 Thù lao Chủ nhiệm nhiệm vụ và thư ký khoa học được tính theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 40 triệu đồng/tháng với Thư ký khoa học không quá 32 triệu đồng/tháng.

12 Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt

13 Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

14Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

15 Dự toán kèm theo phương án chi tiết báo cáo trong phiên họp Tổ thẩm định kinh phí